

**TRƯỜNG ĐH KHXH&NV**  
**KHOA VĂN HỌC VÀ NGÔN NGỮ**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

### 1. Thông tin chung về môn học:

- Tên môn học:

Tên tiếng Việt: NGỮ PHÁP VĂN NGÔN

Tên tiếng Anh/tiếng khác (nếu có): Ancient Chinese Grammar

- Mã môn học:

- Môn học thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>			
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>	
		Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>

**2. Số tín chỉ:** 4

**3. Trình độ:** Dành cho sinh viên năm thứ 3, học kỳ 5, chuyên ngành Hán Nôm.

**4. Phân bố thời gian:** 60 tiết

- Lý thuyết: 50 tiết

- Thực hành:

- Thảo luận/Thuyết trình nhóm: 10 tiết

- Các hoạt động khác:

- Tự học: 180 tiết

**5. Điều kiện tiên quyết:**

- Môn học tiên quyết: Hán văn cơ sở, Hán Nôm nâng cao.

- Các yêu cầu khác về kiến thức, kỹ năng: Kỹ năng dịch Hán Việt; phân tích, tổng hợp, vận dụng những tri thức ngữ pháp văn ngôn đã học vào việc phiên dịch và phân tích ngữ pháp.

**6. Mô tả vắn tắt nội dung môn học:** Giới thiệu, giảng giải cách dùng, chức năng ngữ pháp của một số hư từ trọng yếu thường gặp là chữ **chi, kì, ư, dĩ, sở, giả,...** Mỗi chữ sẽ được phân ra thành những nhóm, mục nhỏ theo tiêu chí từ loại, giảng giải cách nhận diện dựa trên đặc điểm cấu trúc ngữ pháp, từ vựng. Từ đó học viên sẽ vận dụng những tri thức được cung cấp để tự mình dịch những bài tập mà người dạy đưa ra.

**7. Mục tiêu và kết quả dự kiến của môn học:**

- Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những tri thức căn bản về cách dùng, chức năng ngữ pháp của những hư từ làm công cụ ngữ pháp thường gặp trong tiếng Hán cổ.

- Kết quả dự kiến/chuẩn đầu ra của môn học: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên có thể vận dụng những tri thức căn bản đó vào việc phân tích ngữ pháp và đọc dịch những văn bản

được viết bằng văn ngôn một cách chuẩn xác hơn. Với những tri thức nền tảng sinh đó viên có thể tự học hoặc tiếp tục học ở bậc học cao hơn.

### Quan hệ chuẩn đầu ra, giảng dạy và đánh giá:

STT	Kết quả dự kiến/Chuẩn đầu ra của môn học	Các hoạt động dạy và học	Kiểm tra, đánh giá sinh viên	Kết quả học tập của chương trình đào tạo (dự kiến)		
				Kiến thức	Kỹ năng	Thái độ
	Nhớ, hiểu, tổng hợp, phân tích, vận dụng được kiến thức đã học.	GV thuyết giảng, hướng dẫn SV thực hành phân tích ngữ pháp và phiên dịch; SV làm bài tập, thảo luận và thuyết trình.	Kỹ năng tổng hợp, phân tích ngữ pháp; vận dụng, phiên dịch những hiện tượng ngữ pháp đã học; Kiểm tra giữa kỳ; Thi cuối kỳ.	Hiểu biết cơ bản về ngữ pháp văn mà trọng tâm là cách dùng những hư từ làm công cụ ngữ pháp trọng yếu.	Vận dụng được tri thức đã học trong việc nhận diện, phân tích ngữ pháp và phiên dịch chuẩn xác tiếng Hán cổ.	Chu đáo, cẩn thận, nghiêm túc; phục vụ cộng đồng; tự học suốt đời và giữ phẩm chất đạo đức của người trí thức.

### 9. Tài liệu phục vụ môn học:

- **Nhóm tài liệu 1: Bài giảng của người giảng dạy môn học**

Nguyễn Văn Hoài, *Bài giảng Ngữ pháp văn ngôn*

- **Nhóm tài liệu 2: Tài liệu tham khảo**

1. Trần Thuộc (2000), *Hướng dẫn đọc, dịch hư từ chữ Hán*, Thuận Hoá, Huế.
2. Hứa Thế Anh, Nguyễn Khuê dịch (2003), *Giảng giải văn phạm Hán văn*, Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
3. Trần Văn Chánh (2005), *Ngữ pháp Hán ngữ cổ và hiện đại*, Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
4. Trần Văn Chánh (2002), *Từ điển hư từ Hán ngữ cổ đại và hiện đại*, Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Khuê (1995), *Tự học Hán văn*, TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.
6. Thiện Nhân biên soạn, Nguyễn Khuê dịch (2007 và 2008), *Phật học trung đẳng (tập 1 và 2)*, Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh.
7. Trần Trọng San (1991), *Hán văn*, TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh.

### 10. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

Thời điểm đánh giá	Tiêu chí đánh giá/ Hình thức đánh giá	Phần trăm	Loại điểm	% kết quả sau cùng
Mỗi buổi học	- <i>Chuyên cần</i> - <i>Kiểm tra việc chuẩn bị, làm bài tập ở nhà</i>	20 % 30 %		

Giữa kỳ	- Kiểm tra giữa kỳ	50 % <b>100%</b>	Điểm giữa kỳ	30%
Cuối kỳ	- Thi cuối kỳ	100 % <b>100%</b>	Điểm cuối kỳ	70%
				<b>100%</b> <b>(10/10)</b>

### **Thang điểm 10, điểm đạt tối thiểu: 5/10**

- Xếp loại đánh giá (GV tự xây dựng)
- Hướng dẫn hình thức, nội dung, thời lượng và tiêu chí chấm điểm (GV tự xây dựng)
- Hướng dẫn về rubrics chấm điểm (GV tự xây dựng tùy đặc thù môn học/ngành học)

### **11. Yêu cầu/Quy định đối với sinh viên:**

#### **11.1. Nhiệm vụ của sinh viên**

- SV phải đi học đúng giờ quy định.
- Tham dự tối thiểu 80% thời gian lên lớp.
- Không được nói chuyện riêng, làm việc riêng trong lớp học.
- Đọc trước bài giảng của GV và phân ngữ pháp có liên quan trong các tài liệu tham khảo trước mỗi buổi học.
- Thực hành làm bài tập ở nhà được cho.

#### **11.2. Quy định về thi cử, học vụ**

- Không có kiểm tra bù giữa kỳ và cuối kỳ.
- SV sẽ bị trừ điểm chuyên cần tương thích với số buổi không lên lớp, và sẽ bị cấm thi nếu vắng mặt vượt quá số thời gian tối thiểu bắt buộc.

### **12. Nội dung chi tiết môn học:**

**Mở đầu: Giới thiệu Mục đích, vai trò của môn học và tài liệu tham khảo**

#### **Chương 1: Cách dùng chữ “chỉ” (12 tiết)**

##### **1.1. Làm trợ từ**

- 1.1.1. Làm trợ từ kết cấu (còn gọi là giới từ)
  - 1.1.1.1. Biểu thị mối quan hệ có tính lãnh thuộc
  - 1.1.1.2. Biểu thị mối quan hệ có tính tu sức
- 1.1.2. Làm trợ từ đưa tân ngữ ra trước động từ, giới từ
- 1.1.3. Làm trợ từ ngữ xuyên

##### **1.2. Làm liên từ**

- 1.2.1. Làm liên từ đẳng lập

### 1.2.2. Làm liên từ thuận thừa

1.2.2.1. Đặt giữa kết cấu chủ vị hạ bậc câu

1.2.2.2. Đặt giữa cụm chủ-vị độc lập

1.2.2.3. Đặt giữa đơn vị tu sức và trung tâm ngữ động từ tính/hình dung từ tính

1.2.2.4. Đặt giữa chủ ngữ và cụm giới-tân

### 1.3. Làm đại từ

1.3.1. Làm đại từ hồi chi

1.3.2. Làm đại từ lãnh thuộc

1.3.3. Làm đại từ nêu dẫn

1.3.4. Đại từ chỉ thị

1.3.5. Làm kiêm từ

### 1.4. Làm động từ

### 1.5. Chữ Chi trong một số cố định thức, quán ngữ

## Chương 2: Cách dùng chữ “kì” (07 tiết)

### 2.1. Làm đại từ

2.1.1. Làm đại từ chỉ người, sự vật nói chung

2.1.2. Làm đại từ lãnh thuộc

2.1.3. Làm hình đại từ chỉ thị

### 2.2. Làm trợ từ

1.2.1. Làm trợ từ ngữ tuyệt

1.2.2. Nằm giữa trạng ngữ và vị ngữ

1.2.3. Làm trợ từ ngữ khí

### 2.3. Làm phó từ

2.3.1. Biểu thị ý suy trắc, phán đoán

2.3.2. Biểu thị ý nghi vấn

2.3.3. Biểu thị ý khuyên lệnh

### 2.4. Làm liên từ

2.4.1. Biểu thị ý tuyên trạch

2.4.2. Biểu thị ý giả thiết, nhượng bộ

## Chương 3: Cách dùng chữ “ư” (08 tiết)

### 3.1. Làm giới từ

3.1.1. Biểu thị xứ sở, nơi chốn

3.1.2. Biểu thị thời gian

3.1.3. Biểu thị phương diện

- 3.1.4. Biểu thị động thái - đối tượng
- 3.1.5. Biểu thị quan điểm
- 3.1.6. Biểu thị sự so sánh
- 3.1.7. Biểu thị nguyên nhân, căn nguyên
- 3.1.8. Biểu thị điều kiện
- 3.1.9. Biểu thị chủ ngữ bị động

### **3.2. Làm trợ từ**

- 3.2.1. Đưa tân ngữ ra trước động từ
- 3.2.2. Bỏ sung âm tiết, thư hoãn ngữ khí

### **3.3. Làm liên từ**

**\* Kiểm tra giữa kì; SV thảo luận bài tập, GV sửa chữa bài tập (05 tiết).**

## **Chương 4: Cách dùng chữ “dĩ” (10 tiết)**

### **4.1. Làm giới từ**

- 4.1.1. Biểu thị phương thức, công cụ
- 4.1.2. Biểu thị nhân quả
- 4.1.3. Biểu thị thời gian, nơi chốn
- 4.1.4. Biểu thị quan hệ hành động-đối tượng
- 4.1.5. Biểu thị tính sở cứ

### **4.2. Làm liên từ**

- 4.2.1. Làm liên từ thuận thừa
  - 4.2.1.1. Biểu thị quan hệ mục đích
  - 4.2.1.2. Biểu thị quan hệ hệ quả thừa tiếp
  - 4.2.1.3. Biểu thị quan hệ hệ quả thừa tiếp về thời gian
  - 4.2.1.4. Biểu thị quan hệ phương thức, trạng thái
- 4.2.2. Làm liên từ biểu thị quan hệ nhân quả
- 4.2.3. Làm liên từ biểu thị quan hệ đẳng lập
- 4.2.4. Làm liên từ giới hạn phạm vi, không gian

### **4.3. Làm động từ**

### **4.4. Làm phó từ**

- 4.4.1. Biểu thị thời gian
- 4.4.2. Biểu thị trình độ
- 4.4.3. Biểu thị phạm vi, giới hạn

### **4.5. Làm trợ từ**

### **4.6. Làm đại từ**

#### 4.7. Làm danh từ

### Chương 5: Cách dùng chữ “sở” (07 tiết)

#### 5.1. Làm trợ từ (hoặc trợ từ kết cấu)

- 5.1.1. Đặt trước động từ tạo thành tổ hợp danh từ tính
- 5.1.2. Đặt trước giới từ và động từ tạo thành kết cấu “Sở + Giới từ + Động từ”
- 5.1.3. Đặt trước động từ của kết cấu chủ-vị tạo định ngữ biểu thị danh từ trung tâm là danh từ bị động
- 5.1.4. Kết hợp với chữ “vi” tạo thành cú thức chủ ngữ bị động

#### 5.2. Làm liên từ

#### 5.3. Làm số từ

#### 5.4. Làm danh từ

#### 5.5. Làm đại từ

### Chương 6: Cách dùng chữ “giả” (06 tiết)

#### 6.1. Làm trợ từ

- 6.1.1. Kiến tạo danh từ, danh ngữ
- 6.1.2. Kết hợp với chữ “đã” biểu thị sự đề khởi hậu văn (câu giải thích, phán đoán)
- 6.1.3. Làm trợ từ đặt sau một từ, cụm từ tạo mệnh đề biểu thị giả thiết
- 6.1.4. Làm trợ từ đứng cuối câu biểu thị nghi vấn
- 6.1.5. Làm trợ từ đứng cuối câu biểu thị sự so sánh

#### 6.2. Làm đại từ phức điệp

#### 6.3. Làm đại từ chỉ thị

\* SV thảo luận bài tập, GV sửa chữa bài tập và ôn tập cuối môn học (05 tiết).

### 13. Kế hoạch giảng dạy và học tập cụ thể:

Buổi/ Tuần	Số tiết trên lớp	Nội dung bài học	Hoạt động dạy và học Hoặc Nhiệm vụ của SV	Tài liệu cần đọc (mô tả chi tiết)
1,2,3	15	<p>- <b>Mở đầu:</b> <b>Giới thiệu</b> <b>Mục đích,</b> <b>vai trò của</b> <b>môn học và</b> <b>tài liệu</b> <b>tham khảo</b></p> <p>- <b>Chương 1:</b> <b>Cách dùng</b> <b>chữ “chi”</b></p>	<p>- SV nghe GV giới thiệu về môn học và những tài liệu cần đọc thêm ngoài tập Bài giảng của GV.</p> <p>- GV thuyết giảng từng chủ đề ngữ pháp và yêu cầu từng SV thực hành phân tích ngữ pháp và phiên dịch từng câu theo các chủ đề ngữ pháp.</p>	<p>- Đọc chương 1 tập Bài giảng của GV và chương 1 của tài liệu 1, trang 11-36; mục chữ “chi” trong tài liệu 4, trang 37-42; các phần mục có liên quan đến chữ “chi” trong tài liệu 2, 3, 5, 6 và 7.</p>

4	5	<b>- Chương 2: Cách dùng chữ “ki”</b>	- GV thuyết giảng từng chủ đề ngữ pháp và yêu cầu từng SV thực hành phân tích ngữ pháp và phiên dịch từng câu theo các chủ đề ngữ pháp.	- Đọc chương 2 tập Bài giảng của GV và chương 2 của tài liệu 1, trang 37-60; mục chữ “ki” và “quyết” trong tài liệu 4, trang 119-122 và 149; các phần mục có liên quan đến chữ “ki” và “quyết” trong tài liệu 2, 3, 5, 6 và 7.
5,6	10	<b>- Chương 3: Cách dùng chữ “ư”</b>	- GV thuyết giảng từng chủ đề ngữ pháp và yêu cầu từng SV thực hành phân tích ngữ pháp và phiên dịch từng câu theo các chủ đề ngữ pháp.	- Đọc chương 3 tập Bài giảng của GV và chương 8 của tài liệu 1, trang 182-218; mục chữ “ư” trong tài liệu 4, trang 312-317, 53-56; các phần mục có liên quan đến chữ “ư” trong tài liệu 2, 3, 5, 6 và 7.
7	5	<b>- Kiểm tra giữa kì.  -SV thảo luận bài tập, GV sửa chữa bài tập.</b>	- GV cho SV làm bài kiểm tra giữa kì.  - SV lần lượt trình bày và thảo luận bài tập đã cho; GV nghe và sửa chữa những trường hợp chưa chuẩn xác.	- Ôn lại những chủ điểm ngữ pháp mà GV đã giảng, thực hành xác định cách dùng của các hư từ đã học, phân tích ngữ pháp trên những bài Hán văn cụ thể mà GV yêu cầu.
8,9	10	<b>- Chương 4: Cách dùng chữ “đĩ”</b>	- GV thuyết giảng từng chủ đề ngữ pháp và yêu cầu từng SV thực hành phân tích ngữ pháp và phiên dịch từng câu theo các chủ đề ngữ pháp.	- Đọc chương 4 tập Bài giảng của GV và chương 11 của tài liệu 1, trang 231-266; mục chữ “đĩ” trong tài liệu 4, trang 67-74; các phần mục có liên quan đến chữ “đĩ” trong tài liệu 2, 3, 5, 6 và 7.
10	5	<b>- Chương 5: Cách dùng chữ “sở”</b>	- GV thuyết giảng từng chủ đề ngữ pháp và yêu cầu từng SV thực hành phân tích ngữ pháp và phiên dịch từng câu theo các chủ đề ngữ pháp.	- Đọc chương 5 tập Bài giảng của GV và chương 4 của tài liệu 1, trang 84-103; mục chữ “sở” trong tài liệu 4, trang 293-296; các phần mục có liên quan đến chữ “sở” trong tài liệu 2, 3, 5, 6 và 7.
11	5	<b>- Chương 6: Cách dùng chữ “giả”</b>	- GV thuyết giảng từng chủ đề ngữ pháp và yêu cầu từng SV thực hành phân tích ngữ pháp và phiên dịch từng câu theo các chủ đề ngữ pháp.	- Đọc chương 6 tập Bài giảng của GV và chương 3 của tài liệu 1, trang 61-83; mục chữ “giả” trong tài liệu 4, trang 475-478; các phần mục có liên quan đến chữ “giả” trong tài liệu 2, 3, 5, 6 và 7.
12	5	<b>- SV thảo luận bài tập, GV sửa chữa bài tập và ôn tập cuối</b>	- SV lần lượt trình bày và thảo luận bài tập đã cho; GV nghe và sửa chữa những trường hợp chưa chuẩn xác.	- Ôn lại những chủ điểm ngữ pháp mà GV đã nêu, thực hành xác định cách dùng của các hư từ đã học, phân tích ngữ pháp trên những bài Hán văn cụ thể mà GV yêu cầu.

		<b>môn học.</b>	- GV nêu lên những nội dung ôn tập để thi cuối môn học.	
--	--	-----------------	---	--

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 11 năm 2014

**Trưởng Khoa**

**Trưởng Bộ môn**

**Người biên soạn**

PGS.TS. LÊ GIANG

TS. LÊ QUANG TRƯỜNG

ThS. NGUYỄN VĂN HOÀI

**Giảng viên phụ trách môn học:**

Họ và tên: <b>Nguyễn Văn Hoài</b>	Học hàm, học vị: Giảng viên chính, Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, quận 1, TP.HCM	Điện thoại liên hệ:
Email: nghoaiivan71@yahoo.com	Trang web:

**Giảng viên hỗ trợ môn học/trợ giảng (nếu có):**

Họ và tên: <b>Nguyễn Đông Triều</b>	Học hàm, học vị: Thạc sĩ
Địa chỉ cơ quan: 10-12 Đinh Tiên Hoàng, quận 1, TP.HCM	Điện thoại liên hệ: 0918156121
Email: dongtrieunguyen1976@yahoo.com	Trang web:

Cách liên lạc với giảng viên:	Gọi điện thoại, gửi email
-------------------------------	---------------------------

Nơi tiến hành môn học:	(Tên cơ sở, số phòng học)
Thời gian học:	(Học kỳ, Ngày học, tiết học)